

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG THƯỜNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI "PHIẾU CÀO ĐÔNG XUÂN 2019"

(Đính kèm công văn số 678 /CV/BTVSG/KDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019)

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
1	AN GIANG	LÊ XUÂN BÍCH	177,519,600	3	-	1	-	-	2	3,600,000	-	3,600,000	
2	AN GIANG	NGUYỄN HOÀNG ANH	208,380,400	3	-	1	-	-	2	3,600,000	-	3,600,000	
3	AN GIANG	HKD THUỐC TRỪ SÂU TRẦN VĂN THỆ	2,859,513,835	44	-	-	1	8	35	15,500,000	550,000	14,950,000	
4	AN GIANG	TRẦN HỮU NGHĨA	1,258,249,763	19	-	-	1	1	17	6,600,000	-	6,600,000	
5	AN GIANG	BẦY NẾT	542,298,256	9	-	-	1	1	7	3,600,000	-	3,600,000	
6	AN GIANG	NGUYỄN THỊ LỆ THƯƠNG	192,882,311	3	-	-	1	-	2	1,600,000	-	1,600,000	
7	AN GIANG	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	544,944,347	9	-	-	-	3	6	3,300,000	-	3,300,000	
8	AN GIANG	NGUYỄN QUỐC KHOA THI	344,131,800	5	-	-	-	3	2	2,100,000	-	2,100,000	
9	AN GIANG	CỬA HÀNG VTNN BÁ QUÁT	317,602,280	5	-	-	-	2	3	1,900,000	-	1,900,000	
10	AN GIANG	DƯƠNG TÂN ĐÔNG	254,095,000	4	-	-	-	2	2	1,600,000	-	1,600,000	
11	AN GIANG	NGUYỄN MINH LỢI	496,793,480	7	-	-	-	1	6	2,300,000	-	2,300,000	
12	AN GIANG	ĐỖ VĂN ĐIỆP	438,693,726	6	-	-	-	1	5	2,000,000	-	2,000,000	
13	AN GIANG	LÊ THỊ HẰNG	178,850,590	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
14	AN GIANG	VÕ QUANG ĐẶNG	149,238,360	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
15	AN GIANG	HỘ KINH DOANH SÁI ĐIỂM	61,809,500	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
16	AN GIANG	NGUYỄN VĂN GIA	522,152,200	7	-	-	-	-	7	2,100,000	-	2,100,000	
17	AN GIANG	MAI ẨM NGHĨA	315,578,800	5	-	-	-	-	5	1,500,000	-	1,500,000	
18	AN GIANG	HUỲNH THỊ KIM PHƯƠNG	260,451,840	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
19	AN GIANG	DNTN NGUYỄN THỊ THỦY TRINH	221,579,800	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
20	AN GIANG	HUỲNH THỊ LỆ	225,714,000	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
21	AN GIANG	DNTN NGỌC SANG	126,151,600	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
22	AN GIANG	CỬA HÀNG PHẦN BÓN VÀ THUỐC TRỪ SÂU SÁU THÀNH	121,428,000	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
23	AN GIANG	CÔNG TY TNHH TRẦN HIỀN KIM CƯƠNG	61,666,540	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
24	BẠC LIÊU	NGUYỄN THANH TUẤN	401,519,790	7	1	-	1	-	5	7,500,000	-	7,500,000	
25	BẠC LIÊU	PHAN THÀNH LÂM	234,542,400	3	-	1	-	-	2	3,600,000	-	3,600,000	
26	BẠC LIÊU	NGUYỄN VĂN QUẢN	41,077,040	1	-	1	-	-	-	3,000,000	-	3,000,000	
27	BẠC LIÊU	CHÂU KIỀU OANH	398,595,280	7	-	-	2	-	5	3,500,000	-	3,500,000	
28	BẠC LIÊU	TRINH TUYẾT NGÀ	177,302,680	3	-	-	1	-	2	1,600,000	-	1,600,000	
29	BẠC LIÊU	CỬA HÀNG VTNN THANH PHỤNG	39,659,780	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
30	BẠC LIÊU	CÔNG TY TNHH MTV TM-DV-SX ĐỖ VĂN HẠNH	310,713,800	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
31	BẠC LIÊU	LÊ THỊ MẶN	299,113,800	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
32	BẠC LIÊU	TRẦN QUỐC TUẤN	56,921,400	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
33	BẠC LIÊU	TRẦN VĂN SÉN	67,714,200	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
34	CẦN THƠ	VTNN MỸ CHÈN (TRƯƠNG MỸ LINH)	819,285,000	12	1	-	2	2	7	10,100,000	10,000	10,090,000	
35	CẦN THƠ	MAI THANH LÊ	699,877,900	10	1	-	1	-	8	8,400,000	-	8,400,000	
36	CẦN THƠ	VƯƠNG NGỌC NỮ	141,161,600	2	-	1	-	-	1	3,300,000	-	3,300,000	
37	CẦN THƠ	CTY TNHH PHÁT THÀNH	2,520,965,090	39	-	-	2	4	33	13,900,000	390,000	13,510,000	
38	CẦN THƠ	NGUYỄN VĂN TIẾP	701,789,620	11	-	-	1	1	9	4,200,000	-	4,200,000	
39	CẦN THƠ	CÔNG TY TNHH NAM PHÁT	122,811,172	2	-	-	1	1	-	1,500,000	-	1,500,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1-	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
40	CẦN THƠ	PHẠM HỒNG THÁI	41,364,750	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
41	CẦN THƠ	CÔNG TY TNHH VTNN HÙNG THANH	963,118,380	14	-	-	-	3	11	4,800,000	-	4,800,000	
42	CẦN THƠ	CÔNG TY TNHH MTV TUYẾN VŨ	840,051,260	13	-	-	-	3	10	4,500,000	-	4,500,000	
43	CẦN THƠ	CH BẢO THỌ (LÊ KIM HUYỀN)	283,787,600	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
44	CẦN THƠ	CÔNG TY TNHH ÁI NÔNG	78,075,820	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
45	CẦN THƠ	NGUYỄN THỊ ANH VÂN	140,031,810	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
46	CẦN THƠ	PHẠM VĂN TÂN - CẦN THƠ	70,024,240	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
47	CẦN THƠ	ĐL TÂN NHANH	71,161,860	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
48	CẦN THƠ	PHẠM TUẤN EM	320,441,862	5	-	-	-	-	5	1,500,000	-	1,500,000	
49	CẦN THƠ	CỬA HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP-MƯỜI NỬA	176,233,056	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
50	CẦN THƠ	TRẦN ĐÌNH HÙNG	177,861,360	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
51	CẦN THƠ	HKD CẨM (HUỖNH KIẾN TRUNG)	115,551,900	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
52	CẦN THƠ	CỬA HÀNG VTNN PHÚC CƯỜNG	168,247,200	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
53	CẦN THƠ	TRẦN THIÊN AN	144,255,980	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
54	CẦN THƠ	HỘ KINH DOANH LIÊN QUÂN	48,668,304	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
55	CẦN THƠ	NGUYỄN KIM TUYẾT	89,443,780	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
56	CẦN THƠ	CÔNG TY TNHH TM-DV HAI VINH PHÁT	73,775,892	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
57	CẦN THƠ	NGUYỄN MINH THUẬN	86,271,300	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
58	CẦN THƠ	CỬA HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP PHƯỚC HÙNG	35,083,014	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
59	CẦN THƠ	PHẠM VĂN SÁU (CHVTNN SÁU ĐỊA)	43,874,898	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
60	CẦN THƠ	CỬA HÀNG VTNN TRẦN VĂN ANH (MỸ CHÂU)	72,377,040	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
61	CH PDL	CTY TNHH TM VÀ SX TRUNG NAM TIỀN	250,479,020	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
62	CH PDL	ĐỖ THỊ MỸ DUNG	295,258,050	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
63	CH PDL	CHÂU THÀNH SA	98,812,593	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
64	CH PDL	ĐẠI LÝ NGỌC UYÊN	55,009,920	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
65	CH PDL	NGUYỄN VĂN MẠNH	90,908,475	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
66	CH PDL	CTY CP THUỶ SẢN TIỀN THÀNH	90,444,750	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
67	CH PDL	CỬA HÀNG VTƯ NN QUẬN 9	45,877,806	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
68	CH Q7	TRANG TRẠI - ĐOÀN NGỌC DIỆN	122,099,740	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
69	CH Q7	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC TÂN THÁI BÌNH	45,000,000	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
70	CH Q7	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH	43,428,571	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
71	CH Q7	CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VÀ KHỬ TRÙNG FCC	58,285,715	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
72	CH Q7	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MẠNH ĐAN	84,761,905	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
73	ĐÀ NẴNG	CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT THÀNH PHÁT	451,096,960	5	-	-	2	-	3	2,900,000	-	2,900,000	
74	ĐÀ NẴNG	CÔNG TY TNHH TM&DVVT DUYÊN HOA (LÊ THỊ HOA)	485,305,072	8	-	-	-	1	7	2,600,000	-	2,600,000	
75	ĐÀ NẴNG	LIÊN MÃN- QUẢNG NAM (LÊ THỊ THANH LIÊN)	259,237,835	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
76	ĐÀ NẴNG	HUỖNH THỊ LÊ ANH	116,346,600	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
77	ĐÀ NẴNG	VIỆT HÀ	80,824,944	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
78	ĐÀ NẴNG	NGÔ CÁP	89,504,750	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
79	ĐAKLAK	ĐẠI LÝ HIỀN YÊN	291,429,000	4	-	2	-	-	2	6,600,000	-	6,600,000	
80	ĐAKLAK	ĐẠI LÝ TRÚC PHƯỢNG	913,777,730	14	-	-	2	-	12	5,600,000	-	5,600,000	
81	ĐAKLAK	VŨ THỊ THỦY	536,715,104	9	-	-	-	1	8	2,900,000	-	2,900,000	
82	ĐAKLAK	HUỖNH THỊ TRÔNG	913,066,398	14	-	-	-	-	14	4,200,000	-	4,200,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
83	DAKLAK	ĐL XUÂN DUNG	351,197,470	5	-	-	-	-	5	1,500,000	-	1,500,000	
84	DAKLAK	ĐL HAI ĐỒNG	258,708,776	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
85	DAKLAK	PHAN THỊ BỘI CHÂU	82,733,314	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
86	DAKLAK	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333	53,524,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
87	DAKLAK	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CAO SU	95,749,200	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
88	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ NGUYỄN ĐÌNH DỪNG	3,258,000,809	51	2	1	2	7	39	30,200,000	2,020,000	28,180,000	
89	ĐỒNG NAI	LÂM QUỐC DỪNG (ĐL QUÝ SƯƠNG)	2,723,452,740	42	1	2	1	6	32	24,600,000	1,460,000	23,140,000	
90	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG VTNN ÁNH DUNG	782,060,235	12	1	2	-	1	8	13,900,000	390,000	13,510,000	
91	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ TẤN PHÁT	168,533,650	2	-	2	-	-	-	6,000,000	-	6,000,000	
92	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG THÁI CƯỜNG	320,065,560	5	-	1	-	-	4	4,200,000	-	4,200,000	
93	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG PHƯỚC LONG	100,823,950	1	-	1	-	-	-	3,000,000	-	3,000,000	
94	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ THÁI HOÀNG	1,509,354,758	23	-	-	1	2	20	8,000,000	-	8,000,000	
95	ĐỒNG NAI	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA (NGA HÀ)	999,688,740	15	-	-	-	5	10	5,500,000	-	5,500,000	
96	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG TUẤN HƯNG LỘC	480,784,082	8	-	-	-	3	5	3,000,000	-	3,000,000	
97	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ ĐỨC HÙNG	608,379,660	9	-	-	-	1	8	2,900,000	-	2,900,000	
98	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ NGUYỄN DƯƠNG	380,668,148	5	-	-	-	1	4	1,700,000	-	1,700,000	
99	ĐỒNG NAI	CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH HUỆ	285,936,400	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
100	ĐỒNG NAI	TRẦN THỊ MINH HUỲEN	201,365,606	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
101	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG HIẾU NGUYỄN	135,398,818	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
102	ĐỒNG NAI	DNTN TM&DV HÒA DUNG	42,028,030	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
103	ĐỒNG NAI	CÔNG TY TNHH ĐỨC THI	255,374,672	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
104	ĐỒNG NAI	CÔNG TY TNHH TM-DV TÂN SÁNG	221,866,800	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
105	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG THÀNH TÂM	191,684,000	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
106	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ TIẾN TRÌNH	204,106,240	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
107	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG TRƯỜNG HIỆP	194,229,810	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
108	ĐỒNG NAI	CN CÔNG TY TNHH ĐỨC KHẨN	124,792,110	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
109	ĐỒNG NAI	LÊ VÔ HOÀNG	120,483,600	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
110	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG MINH HOÀNG	117,338,120	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
111	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ QUỐC HÙNG	160,359,920	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
112	ĐỒNG NAI	LÊ THÀNH HIẾU	162,143,700	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
113	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ VTNN BẦY PHỤNG	99,523,540	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
114	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG CHÍN DIỆP	50,168,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
115	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG PHẦN BÓN ĐỒNG HÙNG	102,162,528	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
116	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ HẢI HỒ (PHAM VĂN BÉ)	56,069,930	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
117	ĐỒNG NAI	HUỲNH QUAN HÙNG	48,892,690	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
118	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG HƯƠNG THƠM	93,747,360	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
119	ĐỒNG NAI	ĐẠI LÝ MỸ LINH	67,919,258	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
120	ĐỒNG NAI	CỬA HÀNG SÁNG EM	94,580,100	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
121	ĐỒNG THÁP	PHẠM TRƯỜNG GIANG	4,721,751,680	74	2	2	-	3	67	37,600,000	2,760,000	34,840,000	
122	ĐỒNG THÁP	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TRƯỜNG SƠN	1,826,378,400	28	1	-	2	5	20	15,500,000	550,000	14,950,000	
123	ĐỒNG THÁP	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP CẨM CHÂU	1,139,188,300	17	1	-	1	-	15	10,500,000	50,000	10,450,000	
124	ĐỒNG THÁP	CỬA HÀNG VTNN TÚ TÂM	459,125,584	8	-	1	1	-	6	5,800,000	-	5,800,000	
125	ĐỒNG THÁP	CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC HUỲNH HÙNG	412,415,000	7	-	1	-	2	4	5,200,000	-	5,200,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
126	ĐỒNG THÁP	NGUYỄN ĐỨC TÂM	790,887,608	12	-	1	-	-	11	6,300,000	-	6,300,000	
127	ĐỒNG THÁP	NGUYỄN VĂN NHIÊU	1,303,027,700	20	-	-	1	1	18	6,900,000	-	6,900,000	
128	ĐỒNG THÁP	ĐL NGUYỄN VĂN DẦU	609,520,000	9	-	-	1	-	8	3,400,000	-	3,400,000	
129	ĐỒNG THÁP	ĐL HOÀNG PHI	39,361,960	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
130	ĐỒNG THÁP	ĐL BẢY CHÁI	570,239,192	8	-	-	-	1	7	2,600,000	-	2,600,000	
131	ĐỒNG THÁP	LÊ THỊ LÂN	339,484,760	5	-	-	-	1	4	1,700,000	-	1,700,000	
132	ĐỒNG THÁP	CỬA HÀNG VTNN XUÂN RẠNG ĐÔNG	49,891,410	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
133	ĐỒNG THÁP	ĐẠI LÝ HỒ THANH PHONG	448,600,880	6	-	-	-	-	6	1,800,000	-	1,800,000	
134	ĐỒNG THÁP	TRẦN VĂN HÙNG	240,000,000	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
135	ĐỒNG THÁP	ĐẠI LÝ NGỌC HUỆ	145,876,352	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
136	ĐỒNG THÁP	TRƯƠNG NGỌC UNG	45,714,200	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
137	ĐỒNG THÁP	NGUYỄN VĂN THAO (CH THANH NHÂN)	61,905,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
138	ĐỒNG THÁP	CỬA HÀNG VTNN PHÁT NÔNG	88,311,220	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
139	ĐỒNG THÁP	ĐẠI LÝ NĂM TỶ	71,497,600	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
140	GIA LAI	ĐẠI LÝ LOAN ON (NGUYỄN ĐỨC ON)	744,465,450	11	1	2	1	3	4	14,700,000	470,000	14,230,000	
141	GIA LAI	CÔNG TY TNHH KHÁNH HIỀN	605,766,824	9	-	-	1	1	7	3,600,000	-	3,600,000	
142	GIA LAI	ĐẠI LÝ HƯƠNG ĐÀM	109,103,060	2	-	-	1	-	1	1,300,000	-	1,300,000	
143	GIA LAI	CỬA HÀNG LÊ THƯƠNG	84,932,996	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
144	GIA LAI	ĐẠI LÝ VĂN SƠN	55,828,660	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
145	GIA LAI	LÊ THUỶ (CAO VĂN HUY)	928,572,900	14	-	-	-	2	12	4,600,000	-	4,600,000	
146	GIA LAI	CỬA HÀNG NGỌC THỦY	109,145,675	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
147	GIA LAI	ĐẠI LÝ SỰ (XUÂN BẮC)	237,148,000	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
148	GIA LAI	CTY CP NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI (NGUYỄN THỊ ĐÀO)	224,853,139	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
149	GIA LAI	CÔNG TY TNHH MTV 715	140,574,128	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
150	GIA LAI	ĐẠI LÝ CHÍN	108,645,400	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
151	GIA LAI	CỬA HÀNG PHÚ NÔNG (NGUYỄN HỮU KHÔI)	106,525,000	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
152	GIA LAI	ĐẠI LÝ THU HÀ KON TUM (ĐOÀN THỊ HÀ)	148,151,065	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
153	GIA LAI	ĐẠI LÝ HÀ NGOAN	92,046,950	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
154	GIA LAI	ĐẠI LÝ HIỀN CHƯỜNG	58,047,100	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
155	GIA LAI	HỒ THỊ DIỆU TRANG	79,197,270	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
156	GIA LAI	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	64,933,600	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
157	GIA LAI	DNTN MƯỜI HIỆP	62,676,142	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
158	GIA LAI	ĐẠI LÝ PHÂN	71,763,980	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
159	GIA LAI	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG THÀNH	67,047,500	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
160	GIA LAI	ĐL TOẠI THÁI	83,718,460	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
161	GIA LAI	ĐẠI LÝ VŨ QUANG TRUNG	41,334,690	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
162	HÀ NỘI	CTY CP THƯƠNG MẠI BẢO VỆ THỰC VẬT MINH KHAI	2,843,019,000	81	2	4	1	8	66	46,800,000	3,680,000	43,120,000	
163	HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ SINH - SƠN LA	2,733,815,048	78	2	3	2	12	59	44,700,000	3,470,000	41,230,000	
164	HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ TUYẾN - SƠN LA	4,910,716,747	140	2	1	8	17	112	63,100,000	5,310,000	57,790,000	
165	HÀ NỘI	ĐẠI LÝ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP MIỀN BẮC	896,788,660	25	1	3	3	2	16	22,800,000	1,280,000	21,520,000	
166	HÀ NỘI	CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI ANH - PHÚ THO	617,105,200	17	1	1	1	3	11	13,800,000	380,000	13,420,000	
167	HÀ NỘI	ĐÀO THỊ TÀI - YÊN BÁI	324,895,040	9	1	-	-	1	7	7,600,000	-	7,600,000	
168	HÀ NỘI	NGUYỄN VĂN ĐOÀN - BẮC GIANG	186,143,900	5	1	-	-	1	3	6,400,000	-	6,400,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	ĐOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
169	HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ ĐÀO - HOÀ BÌNH	2,205,082,336	63	-	3	3	3	54	29,700,000	1,970,000	27,730,000	
170	HÀ NỘI	LƯU THỊ MINH - HÒA BÌNH	2,388,937,120	68	-	1	5	5	57	27,600,000	1,760,000	25,840,000	
171	HÀ NỘI	LÊ THỊ THU HÀ (NGUYỄN CHÍ DŨNG - HÀ NỘI)	1,283,566,229	36	-	1	2	1	32	15,100,000	510,000	14,590,000	
172	HÀ NỘI	VŨ XUÂN HUYNH - LÀO CAI	1,208,475,520	34	-	1	1	2	30	14,000,000	400,000	13,600,000	
173	HÀ NỘI	PHẠM XUÂN HẠNH - ĐIỆN BIÊN	339,049,000	9	-	1	1	1	6	6,300,000	-	6,300,000	
174	HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ NGUYỆT - VINH PHÚC	785,658,000	22	-	1	-	6	15	10,500,000	50,000	10,450,000	
175	HÀ NỘI	LÊ THỊ LOAN - ĐIỆN BIÊN	504,982,493	14	-	1	-	3	10	7,500,000	-	7,500,000	
176	HÀ NỘI	LÊ ĐỨC HIẾU - LÀO CAI	246,391,400	7	-	1	-	1	5	5,000,000	-	5,000,000	
177	HÀ NỘI	NGUYỄN THÀNH CHUNG - PHÚ THỌ	369,681,680	10	-	-	3	1	6	5,300,000	-	5,300,000	
178	HÀ NỘI	VŨ HOÀNG HỮU - HẢI PHÒNG	276,586,000	7	-	-	2	1	4	3,700,000	-	3,700,000	
179	HÀ NỘI	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP LỎI TƯƠI	352,831,550	10	-	-	2	-	8	4,400,000	-	4,400,000	
180	HÀ NỘI	LÊ THÀNH THỰC	123,014,050	3	-	-	1	1	1	1,800,000	-	1,800,000	
181	HÀ NỘI	ĐỖ THỊ HÒA - YÊN BÁI	248,859,200	7	-	-	1	-	6	2,800,000	-	2,800,000	
182	HÀ NỘI	CỬA HÀNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐÌNH THỊ THU	983,112,100	28	-	-	-	5	23	9,400,000	-	9,400,000	
183	HÀ NỘI	CỬA HÀNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT THỦY SÂM	1,425,557,308	40	-	-	-	2	38	12,400,000	240,000	12,160,000	
184	HÀ NỘI	TRẦN THỊ BÍCH - LAI CHÂU	174,167,000	4	-	-	-	2	2	1,600,000	-	1,600,000	
185	HÀ NỘI	NGUYỄN VĂN TUẤN - VINH PHÚC	621,268,000	17	-	-	-	1	16	5,300,000	-	5,300,000	
186	HÀ NỘI	NGUYỄN CHÍ THẮNG - HÀ NỘI	500,584,865	14	-	-	-	1	13	4,400,000	-	4,400,000	
187	HÀ NỘI	NGUYỄN VĂN DƯƠNG - SƠN LA	306,971,000	8	-	-	-	1	7	2,600,000	-	2,600,000	
188	HÀ NỘI	TRẦN VĂN HƯƠNG - BẮC NINH	234,566,500	6	-	-	-	1	5	2,000,000	-	2,000,000	
189	HÀ NỘI	LÊ KIM TOÀN - PHÚ THỌ	194,347,000	5	-	-	-	1	4	1,700,000	-	1,700,000	
190	HÀ NỘI	CN CTY CP VTKT NN HUYỆN PHÙ YÊN	130,288,000	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
191	HÀ NỘI	TRẦN THỊ PHƯƠNG (NGUYỄN VIỆT TRÌ - SƠN LA)	86,870,016	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
192	HÀ NỘI	HÀ MINH HẢI - LẠNG SƠN	87,669,000	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
193	HÀ NỘI	ĐOÀN VĂN LONG - CTY CÀ PHÊ CÂY ẮN QUẢ SƠN LA	45,316,353	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
194	HÀ NỘI	NGUYỄN THU HOÀN - BẮC NINH	231,810,692	6	-	-	-	-	6	1,800,000	-	1,800,000	
195	HÀ NỘI	CHVTNN QUANG THẮNG- LAI CHÂU	204,930,600	5	-	-	-	-	5	1,500,000	-	1,500,000	
196	HÀ NỘI	BÙI THỊ LIỆU - THÁI BÌNH	132,778,600	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
197	HÀ NỘI	LÊ THỊ HUỆ - ĐIỆN BIÊN	106,250,000	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
198	HÀ NỘI	HKD LÊ VĂN TĂNG	109,028,400	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
199	HÀ NỘI	CỬA HÀNG THUỐC BVTV BÙI XUÂN NAM -THÁI BÌNH	103,824,100	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
200	HÀ NỘI	NGUYỄN HỮU NGỪNG- HẢI PHÒNG	52,285,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
201	HÀ NỘI	PHAN TRƯỜNG LONG - THÁI BÌNH	58,952,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
202	HÀ NỘI	CHI NHÁNH CTY CP VẬT TƯ KTNH HUYỆN MỘC CHÂU - SƠN LA	37,071,450	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
203	HÀ NỘI	TỔNG THỊ HÂN - PHÚ THỌ	41,904,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
204	HÀ NỘI	CỬA HÀNG THUỐC BVTV NAM ANH - BẮC GIANG	39,046,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
205	KHÁNH HÒA	NGUYỄN VĂN PHÙNG	357,170,684	5	1	-	-	3	1	6,800,000	-	6,800,000	
206	KHÁNH HÒA	ĐẠI LÝ THANH VÂN	696,975,421	11	-	1	-	1	9	6,200,000	-	6,200,000	
207	KHÁNH HÒA	CÔNG TY TNHH SÁU GAO	362,729,090	5	-	-	-	2	3	1,900,000	-	1,900,000	
208	KHÁNH HÒA	CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP TRẦN QUÂN	133,974,910	2	-	-	-	2	-	1,000,000	-	1,000,000	
209	KHÁNH HÒA	DNTN ĐỨC HÙNG	213,538,904	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
210	KHÁNH HÒA	NGUYỄN SONG NGUYỄN	120,579,664	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
211	KHÁNH HÒA	CTY TNHH TMDV TÂN LỢI	100,766,340	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
212	KHÁNH HÒA	ĐẠI LÝ PHỤNG HUYỀN	55,728,550	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
213	KHÁNH HÒA	ĐẠI LÝ HUYNH QUANG THIỀU	39,346,010	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
214	KHÁNH HÒA	HỒ THỊ KIM CÚC	196,827,282	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
215	KHÁNH HÒA	ĐẠI LÝ TOÀN THẢO	196,552,720	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
216	KHÁNH HÒA	ĐỖ THUY THOA (ĐẠI LÝ PHÂN BÓN THẠCH)	213,071,700	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
217	KHÁNH HÒA	PHẠM HỮU ĐỨC	176,768,651	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
218	KHÁNH HÒA	NGUYỄN HẢI TRIỀU	121,737,312	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
219	KHÁNH HÒA	CỬA HÀNG HÂN TÂM	105,547,150	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
220	KHÁNH HÒA	PHAN TRẦN THÁI NGỌC (ĐẠI LÝ BÉ XIN)	73,498,452	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
221	KIÊN GIANG	PHẠM DUY DƯƠNG	1,390,452,900	21	1	3	1	2	14	20,200,000	1,020,000	19,180,000	
222	KIÊN GIANG	CHVTNN MINH TRÍ	931,851,534	14	1	2	-	3	8	14,900,000	490,000	14,410,000	
223	KIÊN GIANG	LÊ HOÀNG ĐẠT	148,582,270	2	-	2	-	-	-	6,000,000	-	6,000,000	
224	KIÊN GIANG	HẢI YẾN	646,046,407	9	-	1	-	3	5	6,000,000	-	6,000,000	
225	KIÊN GIANG	TRẦN VĂN NGAY	503,622,361	7	-	1	-	3	3	5,400,000	-	5,400,000	
226	KIÊN GIANG	TRẦN VĂN LÀNH	898,288,820	13	-	1	-	2	10	7,000,000	-	7,000,000	
227	KIÊN GIANG	KHƯƠNG HỒNG	116,571,000	2	-	-	1	-	1	1,300,000	-	1,300,000	
228	KIÊN GIANG	CHVTNN CÔNG TY	120,300,000	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
229	KIÊN GIANG	TRẦN VĂN HÙM	147,179,450	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
230	KIÊN GIANG	VŨ HỮU GIANG	83,623,380	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
231	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY TNHH SX TM HẢI BÌNH NGUYỄN	36,800,199	1	1	-	-	-	-	5,000,000	-	5,000,000	
232	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH	47,790,474	1	-	1	-	-	-	3,000,000	-	3,000,000	
233	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THIẾT BỊ THỊNH PHÁT	158,290,007	2	-	-	2	-	-	2,000,000	-	2,000,000	
234	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU DẦU TIẾNG	76,681,479	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
235	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BÀ RỊA	100,933,350	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
236	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH	51,287,651	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
237	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY TNHH MTV CAO SU PHÚ RIỀNG	37,386,726	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
238	NÔNG TRƯỜNG	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH	77,280,015	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
239	MJC	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỘC HÓA	6,187,122,251	97	1	1	-	19	76	40,300,000	3,030,000	37,270,000	
240	NGHỆ AN	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	921,457,988	14	1	-	-	4	9	9,700,000	-	9,700,000	
241	NGHỆ AN	NGÔ THỊ THOA	595,579,000	9	-	1	1	1	6	6,300,000	-	6,300,000	
242	NGHỆ AN	HOÀNG VĂN CƯỜNG (HOÀNG VĂN CHÂU)	589,092,370	8	-	1	-	2	5	5,500,000	-	5,500,000	
243	NGHỆ AN	LÊ ĐÌNH SƠN	465,049,300	8	-	-	1	1	6	3,300,000	-	3,300,000	
244	NGHỆ AN	PHẠM THỊ VINH	314,486,750	4	-	-	1	-	3	1,900,000	-	1,900,000	
245	NGHỆ AN	CH BUÔN BÁN THUỐC BVTV HỒNG HUYỀN (PHẠM VĂN HỒNG)	173,003,530	2	-	-	1	-	1	1,300,000	-	1,300,000	
246	NGHỆ AN	HỒ THỊ HUYỀN	202,043,570	5	-	-	-	3	2	2,100,000	-	2,100,000	
247	NGHỆ AN	ĐỖ QUANG ANH	349,623,715	5	-	-	-	2	3	1,900,000	-	1,900,000	
248	NGHỆ AN	ĐÀO THỊ HUỆ	456,527,370	8	-	-	-	1	7	2,600,000	-	2,600,000	
249	NGHỆ AN	NGUYỄN DUY CƯỜNG - THANH HÓA	511,993,940	7	-	-	-	1	6	2,300,000	-	2,300,000	
250	NGHỆ AN	CÔNG TY TNHH VITAD	414,100,000	7	-	-	-	1	6	2,300,000	-	2,300,000	
251	NGHỆ AN	NGUYỄN THIÊN TUÂN	142,884,000	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
252	NGHỆ AN	LÊ THỊ OANH	48,860,600	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
253	NGHỆ AN	CỬA HÀNG THUỐC BVTV HOÀNG THANH HUẤN	1,264,566,840	19	-	-	-	-	19	5,700,000	-	5,700,000	
254	NGHỆ AN	NGUYỄN THỊ LAN - THANH HÓA	551,871,230	9	-	-	-	-	9	2,700,000	-	2,700,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
255	NGHỆ AN	HOÀNG VĂN NĂNG	389,477,400	7	-	-	-	-	7	2,100,000	-	2,100,000	
256	NGHỆ AN	NGUYỄN HỮU LỢI	393,864,440	7	-	-	-	-	7	2,100,000	-	2,100,000	
257	NGHỆ AN	PHẠM VĂN THỐNG	495,911,100	7	-	-	-	-	7	2,100,000	-	2,100,000	
258	NGHỆ AN	TRẦN THỊ SỸ	389,733,096	7	-	-	-	-	7	2,100,000	-	2,100,000	
259	NGHỆ AN	CTY CP DỊCH VỤ BVTV NGHỆ AN	320,056,300	5	-	-	-	-	5	1,500,000	-	1,500,000	
260	NGHỆ AN	LÊ KẾ HOÀN	113,286,840	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
261	NGHỆ AN	ĐẶNG VĂN ĐẠM (LÊ KHÁNH LÂM)	156,905,600	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
262	NGHỆ AN	NGUYỄN VÕ TRUNG	169,569,956	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
263	NGHỆ AN	TRẦN THANH TRỌNG	156,193,840	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
264	NGHỆ AN	NGUYỄN THỊ HOA	47,237,780	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
265	NGHỆ AN	HỢP TÁC XÃ TÂN PHƯƠNG ĐÔNG	57,962,640	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
266	TÂN AN	1- ĐỖ VĂN TỰ (ĐL CHÍN TỰ)	1,484,855,160	23	-	1	3	4	15	12,500,000	250,000	12,250,000	
267	TÂN AN	HKD CỬA HÀNG PHÂN BÓN, THUỐC BVTV VIỆT THI	2,276,573,110	35	-	1	2	2	30	15,000,000	500,000	14,500,000	
268	TÂN AN	DNTN ĐÌNH VÂN	2,712,575,060	42	-	1	1	2	38	16,400,000	640,000	15,760,000	
269	TÂN AN	ĐL HAI CỘI (LƯU MINH THẢO)	328,571,100	5	-	1	1	1	2	5,100,000	-	5,100,000	
270	TÂN AN	ĐL CHÍN BÊN (TRẦN VĂN BÊN)	1,019,588,194	16	-	1	-	1	14	7,700,000	-	7,700,000	
271	TÂN AN	HUYỄN THANH BÌNH (ĐL HOÀNG TRỌNG)	285,787,534	4	-	1	-	-	3	3,900,000	-	3,900,000	
272	TÂN AN	NGUYỄN THÀNH LONG (ĐL THÀNH LONG)	1,360,430,900	21	-	-	1	1	19	7,200,000	-	7,200,000	
273	TÂN AN	ĐL MINH CHÂU (ĐỖ TRUNG TRỰC)	332,561,586	5	-	-	1	1	3	2,400,000	-	2,400,000	
274	TÂN AN	ĐL NHỰT THÔNG (LÊ THỊ THU AN)	1,184,531,500	18	-	-	-	5	13	6,400,000	-	6,400,000	
275	TÂN AN	DNTN TIẾN THẠNH	860,142,700	13	-	-	-	2	11	4,300,000	-	4,300,000	
276	TÂN AN	ĐL NĂM KIM	356,564,000	5	-	-	-	1	4	1,700,000	-	1,700,000	
277	TÂN AN	ĐẠI LÝ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP NAM TÙNG	269,044,384	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
278	TÂN AN	LÊ THỊ NĂM	252,202,424	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
279	TÂN AN	ĐẠI LÝ QUỐC HÙNG (NGUYỄN BÁ HỌC)	266,666,000	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
280	TÂN AN	NGUYỄN NGỌC MAI (ĐL HỮU DUY)	48,191,000	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
281	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP BẢO QUỐC	1,026,067,240	16	1	-	2	-	13	10,900,000	90,000	10,810,000	
282	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ NGỌC TRÂM	498,374,560	7	-	1	-	1	5	5,000,000	-	5,000,000	
283	TRẠM DỊCH VỤ	CÔNG TY TNHH TMDV HẠNH PHÚ HÒA	245,728,640	4	-	1	-	-	3	3,900,000	-	3,900,000	
284	TRẠM DỊCH VỤ	CHỊ THỦY	206,494,800	3	-	1	-	-	2	3,600,000	-	3,600,000	
285	TRẠM DỊCH VỤ	CHỊ LOAN	102,770,230	1	-	1	-	-	-	3,000,000	-	3,000,000	
286	TRẠM DỊCH VỤ	CTY TNHH TM-XNK THANH HOÀNG	1,375,604,913	21	-	-	3	2	16	8,800,000	-	8,800,000	
287	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ ỨT PHƯƠNG	442,373,505	6	-	-	1	-	5	2,500,000	-	2,500,000	
288	TRẠM DỊCH VỤ	CÔNG TY TNHH ĐẠI LỢI PHÁT	68,880,260	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
289	TRẠM DỊCH VỤ	VÕ TƯỜNG PHONG	64,519,210	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
290	TRẠM DỊCH VỤ	CTY TNHH XNK VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP LỘC HÀ	688,950,800	11	-	-	-	3	8	3,900,000	-	3,900,000	
291	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG VỸ HUYỀN	415,268,240	7	-	-	-	1	6	2,300,000	-	2,300,000	
292	TRẠM DỊCH VỤ	DNTN THẮNG BẢO THẮNG	204,600,950	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
293	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG CƯỜNG TRINH	183,781,430	3	-	-	-	1	2	1,100,000	-	1,100,000	
294	TRẠM DỊCH VỤ	DƯƠNG VĂN TAM	137,809,700	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
295	TRẠM DỊCH VỤ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ VŨ	115,506,540	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
296	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG TIẾN PHÁT	121,223,640	2	-	-	-	1	1	800,000	-	800,000	
297	TRẠM DỊCH VỤ	NGUYỄN TRẦN HIỆP	402,836,330	7	-	-	-	-	7	2,100,000	-	2,100,000	

STT	CHI NHÁNH	TÊN KH	DOANH SỐ	TỔNG PHIẾU	GIẢI 1	GIẢI 2	GIẢI 3	GIẢI 4	GIẢI KK	THÀNH TIỀN	THUẾ TNCN	PHẢI CHI	GHI CHÚ
					5,000,000	3,000,000	1,000,000	500,000	300,000				
298	TRẠM DỊCH VỤ	VÕ THỊ THY	355,668,620	5	-	-	-	-	5	1,500,000	-	1,500,000	
299	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ PHÁT LỘC	201,451,390	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
300	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ THÀNH CÔNG	228,856,140	3	-	-	-	-	3	900,000	-	900,000	
301	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ BÌNH TUYẾN	130,303,060	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
302	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG THANH CHI	131,479,936	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
303	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG THỦY THO	141,693,180	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
304	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ PHẦN BÓN CAO PHÁT	93,990,458	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
305	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG VTNN ĐÔNG TÂM (PHẠM THỊ HỒNG MẾN)	54,095,380	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
306	TRẠM DỊCH VỤ	CTY TNHH TM DV SX XNK ĐỨC THÀNH	78,326,640	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
307	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ HÒA HIỆP	54,761,890	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
308	TRẠM DỊCH VỤ	ĐẠI LÝ HOÀNG HOA	58,502,360	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
309	TRẠM DỊCH VỤ	CÔNG TY TNHH PHẦN BÓN NGUYỄN NGỌC	101,678,130	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
310	TRẠM DỊCH VỤ	NGUYỄN THỊ LỆ HOA	77,211,610	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
311	TRẠM DỊCH VỤ	CÔNG TY TNHH THIÊN THỦY DƯƠNG	85,517,120	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
312	TRẠM DỊCH VỤ	CỬA HÀNG HỒNG PHÚC	77,398,210	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
313	TRẠM DỊCH VỤ	CÔNG TY TNHH ITV TRÍ VẤN NÔNG	84,333,490	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
314	VĨNH LONG	CTY TNHH SX, TM, DV THU LOAN	2,388,974,500	37	1	-	-	-	36	15,800,000	580,000	15,220,000	
315	VĨNH LONG	VÕ HOÀNG DŨNG	1,828,584,000	28	-	-	2	4	22	10,600,000	60,000	10,540,000	
316	VĨNH LONG	CỬA HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VŨ AN	44,163,000	1	-	-	1	-	-	1,000,000	-	1,000,000	
317	VĨNH LONG	HỒ VĂN THIỆN	375,941,436	5	-	-	-	2	3	1,900,000	-	1,900,000	
318	VĨNH LONG	HIỆP THÀNH	249,403,770	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
319	VĨNH LONG	ĐẠI LÝ BA HẠNH	252,954,498	4	-	-	-	1	3	1,400,000	-	1,400,000	
320	VĨNH LONG	NGUYỄN VĂN BÉ BA	272,250,720	4	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
321	VĨNH LONG	CH PHONG NHÀ - TẮM HUYỀN	70,905,141	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
322	VĨNH LONG	CỬA HÀNG VTNN NGUYỄN MINH HÙNG	58,513,980	1	-	-	-	1	-	500,000	-	500,000	
323	VĨNH LONG	NGUYỄN HOÀNG OANH	69,231,600	4	-	-	-	-	4	1,200,000	-	1,200,000	
324	VĨNH LONG	TRẦN HOÀNG TUẤN	276,366,500	4	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
325	VĨNH LONG	HKD THANH NHƯ	118,781,900	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
326	VĨNH LONG	PHAN QUANG KHẢI	122,420,270	2	-	-	-	-	2	600,000	-	600,000	
327	VĨNH LONG	HUỲNH VĂN TỬ	55,124,500	1	-	-	-	-	1	300,000	-	300,000	
TỔNG CỘNG				2,500	30	70	100	300	2,000	1,210,000,000	34,360,000	1,175,640,000	